

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hải

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quyền T, sinh năm 2002 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Bé N, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Quyền T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Quyền T và anh Lê Bé N chung sống với nhau vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Do không còn tình cảm với anh N nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/02/2019, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Bé N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N để tham dự phiên tòa nhưng anh N không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N về các nội dung khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Quyền T và anh Lê Bé N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/02/2019 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, hiện nay cháu K dưới 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, không buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu K.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh N về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh N về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Quyền T.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Quyền T và anh Lê Bé N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/02/2019 cho chị Nguyễn Quyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K mà không ai được cản trở. Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu K được sống chung với chị T. Anh N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Án phí: Chị Nguyễn Quyền T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004117 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đổi trừ, chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Quyền T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Bé N có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà